

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /QĐ - TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 10 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý Tài chính
của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 25/04/2023;

Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 09/04/2026.

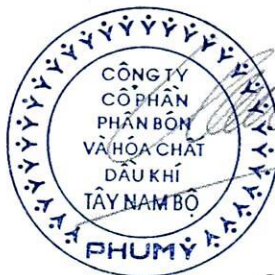
QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Ban hành ban hành Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (kèm theo Quyết định này).
- Điều 2.** Quy chế này thay thế Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được ban hành theo Quyết định số 04/QĐ-TNB của HĐQT ngày 17/05/2017. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Các Ông Bà: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng và Trưởng các phòng trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu: VT, P.TCHC, PHN.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Quý Hiên

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-TNB ngày 10 / 04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

Quy chế này được ban hành nhằm mục đích thống nhất và triển khai thực hiện việc quản lý tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, Công ty đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thuật ngữ và định nghĩa

1. Trừ khi ngữ cảnh có quy định hoặc yêu cầu hiểu khác đi, các từ ngữ dưới đây khi sử dụng trong Quy chế này sẽ có nghĩa như sau:
 - a) Công ty/PSW: Là Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập;
 - b) Điều lệ Công ty: là Điều lệ của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ;
 - c) Đại hội đồng cổ đông: là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông phổ thông, cổ đông ưu đãi biểu quyết và cổ đông khác theo quy định của Điều lệ Công ty);
 - d) CBCNV: là người lao động có ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ;
 - e) Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác: là cá nhân thuộc sự quản lý của Công ty, được Công ty giới thiệu để bầu/bổ nhiệm hoặc được ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là cổ đông hoặc để kiểm soát hoặc để điều hành doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp đó và phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp;
 - f) Công ty con: là công ty mà (i) PSW sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; hoặc (ii) PSW có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc (iii) PSW có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc quyết định các vấn đề quan trọng khác của công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó;
 - g) Công ty liên kết: là công ty mà PSW sở hữu cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối và không do PSW giữ quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với PSW theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận và hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với PSW. Công ty liên kết của PSW được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hoạt động ở nước ngoài và các loại hình khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thuật ngữ khác không được đề cập tại Điều này và đã được định nghĩa tại Điều lệ hoặc Quy chế quản trị của Công ty khi được sử dụng trong Quy chế này sẽ được hiểu như định nghĩa tại Điều lệ hoặc Quy chế quản trị của Công ty.

Điều 3. Phạm vi và đối tượng và áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Đối tượng áp dụng: Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác và các tập thể, cá nhân liên quan đến công tác quản lý tài chính của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Trong hoạt động tài chính, Công ty phải tuân thủ nội dung quy định tại Quy chế này, các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định khác của Công ty.
2. Công ty chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước, của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các tổ chức và cá nhân khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 5. Năm tài chính và đơn vị tiền tệ hạch toán kế toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND), mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh là ngoại tệ phải quy đổi sang VND để hạch toán, đồng thời theo dõi gốc nguyên tệ trong sổ sách kế toán.

Điều 6. Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.
2. Nhượng bán, cho thuê, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.
3. Quyết định và phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
4. Quyết định vay, cho vay vốn các tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật; được cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Sử dụng ngoại tệ thu được phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.
6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

1. Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, trích lập các quỹ, chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
3. Thực hiện quản lý các khoản phải trả, phải thu ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty.
4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành đối với các đơn vị niêm yết giao dịch trên sàn chứng khoán.

5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II

VỐN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 8. Vốn của Công ty

1. Vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi riêng từng nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Điều 9. Quản lý và sử dụng vốn

1. Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty được quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn góp của cổ đông và các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành với mục tiêu thu lợi nhuận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về bảo toàn, phát triển vốn, về hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.
2. Trường hợp Công ty tạm thời sử dụng tiền nhàn rỗi các quỹ do Công ty quản lý để đầu tư và sản xuất kinh doanh thì Công ty phải đảm bảo đủ nguồn chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn tại Công ty bằng các biện pháp theo các quy định hiện hành của nhà nước và pháp luật về quản lý tài chính và quản lý vốn đầu tư ra ngoài Công ty và các biện pháp sau đây:
 - a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước và pháp luật;
 - b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;
 - c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành, gồm:
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
 - Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
 - Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp;
 - Các khoản dự phòng khác theo quy định của pháp luật.
 - d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Huy động vốn

1. Công ty được huy động vốn của mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty với hình thức và thủ tục huy động vốn phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Việc huy động vốn của Công ty phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung dài hạn và kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty;
 - b) Phương án huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ;
 - c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;
 - d) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết;
 - e) Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý nợ vay nước ngoài;
 - f) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật;
3. Thẩm quyền quyết định huy động vốn dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo sự ủy quyền, phân cấp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thẩm quyền huy động vốn dưới hình thức vay của các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước:
- a) Hội đồng Quản trị:
 - Hội đồng Quản trị quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Đối với hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty với những Người có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020: có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, Giám đốc ký hợp đồng vay phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng vay đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng vay trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
 - Đối với hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty với các đối tượng khác: có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - b) Giám đốc:
 - Hội đồng Quản trị phân cấp cho Giám đốc ký kết hợp đồng vay vốn với các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - c) Trường hợp huy động vốn vay của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Điều 11. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý để đầu tư ra ngoài Công ty theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Công ty, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, không làm

ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

2. Công ty không được góp vốn mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.
3. Công ty không được đầu tư hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
4. Công ty không ủy thác vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác dưới bất kỳ hình thức nào.
5. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:
 - a) Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
 - b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
 - c) Mua lại một công ty khác;
 - d) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;
 - e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
6. Thẩm quyền quyết định các hình thức và dự án đầu tư vốn ra ngoài Công ty:
 - a) Đối với các hình thức mua trái phiếu, công trái và góp vốn hợp tác sản xuất kinh doanh không hình thành doanh nghiệp: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được phê duyệt hàng năm, Giám đốc được quyền quyết định đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b) Đối với các hình thức đầu tư góp vốn thành lập công ty con, góp vốn thành lập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác:
 - Đại hội đồng cổ đông quyết định việc đầu tư góp vốn các dự án có tổng mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thông qua quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;
 - Hội đồng quản trị quyết định việc góp vốn các dự án còn lại không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Đối với các hình thức đầu tư khác, Giám đốc trình Hội đồng quản trị quyết định/trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua theo thẩm quyền.

Điều 12. Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác.
2. Tùy theo hình thức góp vốn, Công ty được thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty có vốn góp của Công ty và cam kết tại các hợp đồng liên doanh, liên kết của các bên.

3. Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc sau:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - b) Phản ánh đầy đủ giá trị thực tế doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
 - c) Bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch.
4. Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn của Công ty trước khi tổ chức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.
5. Phương thức và giá chuyển nhượng: Thực hiện theo các quy định của pháp luật.
6. Tiền thu từ bán bớt, bán toàn bộ phần vốn đầu tư còn lại tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty thành viên hoặc Đơn vị trực thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (theo quyết định sắp xếp, chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, được cấp giấy phép kinh doanh lần đầu), tiền đặt cọc không phải trả lại cho nhà đầu tư... được hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành.
7. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn tại doanh nghiệp khác thực hiện theo thẩm quyền quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 11 Quy chế này.
8. Giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Công ty.
9. Trường hợp giá chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty (sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất khoản đầu tư vốn theo quy định), Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quản lý nợ phải trả

1. Nội dung công tác quản lý nợ phải trả:
 - a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả và các khoản cam kết bảo lãnh/bảo đảm của Công ty theo từng đối tượng khách hàng. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết.
 - b) Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh nợ phải trả quá hạn trên 06 tháng.
 - c) Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ.
 - d) Kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ, đồng thời tiến hành đánh giá, phân loại nợ theo quy định hiện hành để phát hiện kịp thời các khoản nợ quá hạn, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

- e) Xử lý hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo quy định của Nhà nước.
- f) Xử lý nợ phải trả tồn đọng:
- Việc xử lý các khoản nợ phải trả tồn đọng bao gồm: các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản nợ vay của tổ chức tín dụng, nợ phải trả có bảo lãnh, nợ bảo hiểm xã hội,... thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng.
 - Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì được hạch toán vào thu nhập khác.
 - Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý công nợ trên, báo cáo Giám đốc theo định kỳ báo cáo tài chính hoặc theo yêu cầu đột xuất.
 - Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức công tác quản lý nợ phải trả và quyết định các biện pháp xử lý nợ tồn đọng.
2. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà các tổ chức, cá nhân có liên quan cần phải được làm rõ trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của Công ty.
3. Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Quy chế quản lý nợ.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 14. Tài sản của Công ty

1. Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn góp của các cổ đông đầu tư tại Công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản của Công ty bao gồm: tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
2. Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo đúng các quy định nội bộ và quy định của pháp luật hiện hành.
3. Giám đốc và các bộ phận giúp việc phải xây dựng các quy trình để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý tài sản; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi biến động về tài sản; tổ chức kiểm kê theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 15. Đầu tư, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty:
 - a) Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới hạn mức quy định tại Điều lệ Công ty. Các dự án lớn hơn mức phân cấp nêu trên, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định;

- b) Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.
4. Khấu hao tài sản cố định:
- a) Nguyên tắc trích khấu hao: Tất cả tài sản cố định của Công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải trích khấu hao theo quy định, trừ một số tài sản sau:
- Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất;
 - Tài sản cố định khác do Công ty quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của Công ty (trừ tài sản cố định thuê tài chính);
 - Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty;
 - Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động (trừ các tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại Công ty như: Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do Công ty đầu tư xây dựng);
 - Tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho Công ty để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học;
 - Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.
- b) Công ty thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 16. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng thế chấp tài sản có giá trị quy định tại Điều lệ Công ty. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị phân cấp cho Giám đốc quyết định các hợp đồng thế chấp tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Đối với việc thế chấp tài sản vượt mức phân cấp nêu trên, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Công ty để cho thuê, thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện như quy định về thẩm quyền huy động vốn quy định tại Khoản 4 Điều 10 Quy chế này.
4. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản: Hội đồng quản trị quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản như được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty. Tùy vào trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc quyết định các thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản: Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 18. Quản lý vốn bằng tiền

1. Quản lý tiền mặt:

- a) Đối với vốn bằng tiền là ngoại tệ được quản lý và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và pháp luật về quản lý ngoại hối;
- b) Giám đốc lập và trình Hội đồng quản trị ban hành quy định về hạn mức tồn quỹ tiền mặt tại Công ty trong Quy chế quản lý, sử dụng vốn bằng tiền để thực hiện. Số tiền vượt hạn mức tồn quỹ tiền mặt phải được gửi vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng;
- c) Nghiêm cấm việc sử dụng tiền mặt của Công ty cho cá nhân hoặc tổ chức vay không nhằm mục đích hoạt động kinh doanh của Công ty.
- d) Định kỳ (cuối quý, cuối năm) hoặc đột xuất, Công ty tổ chức kiểm kê tiền mặt tồn quỹ tại Công ty. Việc kiểm kê tiền mặt tồn quỹ thực hiện theo quy định: Lập biên bản kiểm kê và ký xác nhận của Giám đốc, Kế toán trưởng, kế toán thanh toán, thủ quỹ. Các khoản chênh lệch thừa, thiếu phát sinh trong quá trình kiểm kê phải được xử lý như sau: Tất cả các khoản chênh lệch phải xác định nguyên nhân. Nếu do lỗi chủ quan của cá nhân gây ra, cá nhân đó phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tùy mức độ có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật. Mức bồi thường cụ thể do Giám đốc Công ty quy định nhưng không được thấp hơn mức thiệt hại do cá nhân gây ra;
- e) Biên bản kiểm kê phải được lưu giữ trong hồ sơ chứng từ kế toán tiền mặt.

2. Quản lý tiền gửi ngân hàng:

- a) Mọi thủ tục thanh toán qua ngân hàng phải được thực hiện theo đúng các quy định của các ngân hàng và Nhà nước;
- b) Định kỳ (quý, năm) Công ty phải tổ chức đối chiếu và xác nhận số dư tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để phát hiện sai sót, nhầm lẫn và điều chỉnh kịp thời các khoản chênh lệch (nếu có);
- c) Giám đốc căn cứ quy định về đánh giá các tổ chức tín dụng tại Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền để lựa chọn tổ chức tín dụng đáp ứng các tiêu chí cơ bản làm cơ sở gửi tiền nhân rồi, đảm bảo an toàn tiền gửi;

3. Đầu tư ngắn hạn tiền nhàn rỗi: Căn cứ quy định tại Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền, Giám đốc quyết định hình thức gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính tín dụng đối với tiền tạm thời nhàn rỗi để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhưng phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, đủ nguồn thanh toán nợ đến hạn cho khách hàng, chủ nợ và các đối tượng có liên quan.
4. Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty.

Điều 19. Quản lý hàng tồn kho của Công ty

1. Hàng tồn kho là hàng hóa Công ty mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, phụ tùng, hóa phẩm, xúc tác tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.
2. Công ty phải mở sổ theo dõi hàng tồn kho chi tiết theo từng loại hàng hoá, nguyên liệu, công cụ... kể cả với những công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng.
3. Công ty được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển, hết hạn sử dụng, hạn lưu kho để thu hồi vốn. Việc xử lý hàng tồn kho được thực hiện theo các quy chế, quy định liên quan của Công ty.
4. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 20. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Trách nhiệm của Giám đốc trong quản lý nợ phải thu: xây dựng và ban hành quy định quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu; quyết định mức bồi thường thiệt hại, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân liên quan trong trường hợp không làm hết trách nhiệm được giao để xảy ra tổn thất về nợ phải thu.
2. Kế toán trưởng có trách nhiệm hạch toán các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định; kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm các cá nhân, tập thể báo cáo Giám đốc xử lý. Tiêu thức xác định nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
3. Giám đốc/Trưởng đơn vị, phụ trách kế toán các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của Công ty có trách nhiệm quản lý, theo dõi nợ phải thu phát sinh tại đơn vị mình theo các nội dung tại quy chế này.
4. Giám đốc được quyền đề xuất bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.
5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các khoản nợ phải thu.
6. Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Quy chế quản lý nợ.

Điều 21. Chênh lệch tỷ giá

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản của Công ty, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được xử lý theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Kiểm kê tài sản

1. Công ty tổ chức kiểm kê định kỳ khi kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất: xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính theo quy định.
2. Công ty tổ chức kiểm kê khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu, sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty, hoặc theo yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc theo yêu cầu của các cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Kết thúc kiểm kê, Công ty lập biên bản, đối chiếu so sánh với sổ sách kế toán, xác định giá trị tài sản thừa thiếu hoặc tài sản bị tổn thất; làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 23. Xử lý tài sản tổn thất

1. Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất, lạc hậu mẫu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho, ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.
2. Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:
 - a) Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
 - b) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
 - c) Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp khoản bồi thường chưa xác định được ngay tại kỳ kế toán phát sinh tổn thất tài sản thì sẽ được ghi nhận là thu nhập khác cho kỳ kế toán xác định được khoản bồi thường;
 - d) Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng quản trị lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định việc xử lý tổn thất.
3. Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm trước các cổ đông như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty.

Điều 24. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu Công ty;

- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được hạch toán theo đúng quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 25. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty

1. Doanh thu, thu nhập khác của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác do Công ty thực hiện.
2. Chi tiết doanh thu, thu nhập khác của Công ty:
 - a) Doanh thu kinh doanh toàn bộ sản phẩm (phân bón, hóa chất..) của Công ty;
 - b) Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty;
 - c) Doanh thu hoạt động tài chính:
 - Tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng...;
 - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
 - Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty;
 - Các khoản doanh thu tài chính khác.
 - d) Thu nhập khác gồm:
 - Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
 - Thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
 - Các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập theo quy định.
3. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.
4. Doanh thu, thu nhập khác của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Việc xác định doanh thu, thu nhập để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty

1. Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác của Công ty.
2. Chi phí sản xuất kinh doanh:

- a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, phân bổ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê dịch vụ bảo quản vật tư lưu kho;
- b) Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của chế độ tài chính hiện hành;
- c) Chi phí tiền lương, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại Hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định;
- e) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- f) Các khoản chi trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe cho người lao động. Mức chi và điều kiện được chi do Hội đồng quản trị quyết định tùy theo tình hình thực tế của Công ty;
- g) Các khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật;
- h) Chi phí thuê ngoài phục vụ bảo vệ an ninh, an toàn công ty;
- i) Các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động mà Công ty có hóa đơn, chứng từ theo quy định;
- j) Các khoản thưởng sáng kiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư, thưởng an toàn, thưởng do hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, thưởng thành tích tập thể, cá nhân được quy định cụ thể điều kiện được thưởng và mức thưởng trong các quy định nội bộ của Công ty hoặc Thỏa ước lao động tập thể;
- k) Chi phí họp, hội nghị theo quy định của pháp luật;
- l) Chi phí dịch vụ mua ngoài khác theo quy định của pháp luật;
- m) Chi phí khác bằng tiền gồm: các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài; tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế bảo vệ môi trường và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác, trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động, đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề người lao động; chi cho công tác y tế, chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi bồi dưỡng tham gia diễn tập PCCC; Phụ cấp an toàn vệ sinh; Phụ cấp đi biên, chi phí lấy ý kiến chuyên gia, tư vấn, chi phí cho lao động nữ, chi phí cho công tác bảo vệ môi trường, chi phí ăn ca cho người lao động, chi trang phục làm việc, chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định) và các chi phí bằng tiền khác;
- n) Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định;
- o) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ;

- p) Chi phí an sinh xã hội: Hỗ trợ y tế, giáo dục, thiên tai, xây nhà tình nghĩa và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật và Công ty;
 - q) Các khoản chi phí khác bao gồm các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như: Chi quan hệ cộng đồng, các hoạt động văn hóa xã hội; Chi hỗ trợ cho các hội đoàn thể, cơ quan bên ngoài và các khoản hỗ trợ khác;
 - r) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
3. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
- a) Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài công ty (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn);
 - b) Chi phí lãi vay;
 - c) Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chi phí chiết khấu thanh toán cho người mua;
 - d) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn;
 - e) Các khoản chi phí tài chính khác theo quy định.
4. Chi phí khác bao gồm:
- a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;
 - b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;
 - c) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng sau khi trừ đi các khoản xử lý trách nhiệm (nếu có);
 - d) Các chi phí khác theo quy định.
5. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo sau đây:
- a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;
 - b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng;
6. Quản lý chi phí của Công ty: Việc quản lý chi phí của Công ty thực hiện theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp và các quy định sau đây:
- a) Giám đốc Công ty xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị để làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - b) Trường hợp cần thiết, Giám đốc tổ chức phân tích chi phí sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá vốn hàng bán, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời. Báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện;
 - c) Trên cơ sở kế hoạch định biên lao động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, Giám đốc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
7. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương V

LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 27. Lợi nhuận thực hiện

1. Công ty xác định lợi nhuận thực hiện hàng quý, hàng năm theo đúng các quy định của Nhà nước. Lợi nhuận thực hiện của Công ty là lợi nhuận phát sinh trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư vốn của Công ty và các khoản thu khác theo quy định.
2. Lợi nhuận phát sinh trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:
 - a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá hoặc chi phí tiêu thụ trong kỳ;
 - b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ;
 - c) Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 28. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù khoản lỗ các năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
2. Số lợi nhuận còn lại, Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận:
 - a) Trích quỹ đầu tư và phát triển;
 - b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - c) Trích quỹ sử dụng giải quyết chế độ chính sách cho người lao động khi thực hiện tái cấu trúc công ty;
 - d) Trích các quỹ khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Chia cổ tức cho cổ đông.

Điều 29. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Việc sử dụng các quỹ theo quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 28 phải thực hiện công khai theo đúng quy định của Nhà nước;
 - b) Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
 - c) Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng:
 - Giám đốc xây dựng, ban hành và trình Hội đồng quản trị Quy định quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong Công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.
 - Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu

nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quản lý và sử dụng các quỹ:

- a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.
- b) Quỹ khen thưởng được dùng để:
 - Thưởng cuối năm, thưởng kỳ hoặc đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty.
 - Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty;
 - Tiêu chuẩn, mức thưởng và thẩm quyền quyết định khen thưởng được quy định tại Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.
- c) Quỹ phúc lợi được dùng để:
 - Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý của Công ty: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
 - Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp cho các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty có hoàn cảnh khó khăn; gia đình có CBCNV bị chết khi làm việc tại Công ty và các đơn vị tiền thân.
 - Tiêu chuẩn, mức chi và thẩm quyền quyết định được quy định tại Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty/Thỏa ước lao động tập thể và Chính sách nhân viên.

Chương VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 30. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trung, dài hạn phù hợp với định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
2. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo của Công ty.

Điều 31. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành, lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng đồng Việt Nam.

2. Chứng từ sổ sách kế toán (kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán) của Công ty đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.
3. Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Giám đốc hoặc theo quy định của luật pháp.
4. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về kế toán của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng quản trị, Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.
5. Công ty không tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ; việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thực hiện theo quy định và thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty.
6. Báo cáo tài chính của Công ty phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập có tên trong danh sách Công ty kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 32. Báo cáo tài chính, quản trị

1. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải lập báo cáo thống kê, báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành. Báo cáo tài chính được gửi tới các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan theo quy định hiện hành;
3. Báo cáo quản trị được lập và gửi cho Hội đồng quản trị /Ban Giám Đốc theo định kỳ hàng năm, quý, tháng hoặc đột xuất để phục vụ công tác quản lý Công ty.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Điều 33. Mối quan hệ tài chính giữa Công ty với các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người đại diện của Công ty tại các công ty này theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
2. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty và các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế.

Điều 34. Nguyên tắc chung Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn với số vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn, cổ đông, hoặc là người góp vốn; và qua việc cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.
2. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty. Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho Hội đồng quản trị Công ty tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Điều 35. Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện

Công ty cử người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn góp để thực hiện quản lý phần vốn, tham gia quản lý, điều hành, giám sát tại các doanh nghiệp đó thì người đại diện thực hiện việc quản lý theo các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Quy định của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VIII

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 36. Quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn cổ đông giao, chịu trách nhiệm trước cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao cho Công ty. Lập phương án, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty.

Trình Đại hội đồng cổ đông: phê duyệt chủ trương trước khi quyết định đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty, hợp đồng nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng quản trị; Lập phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Ngoài thẩm quyền quy định tại các điều nêu trên của Quy chế này và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau đây:
 - a) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính Công ty, định mức chi phí, định mức lao động, năng suất lao động và các định mức khác;
 - b) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính trung, dài hạn và hàng năm của Công ty trong thời gian 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - c) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác;
 - d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định;
 - e) Kiểm tra, giám sát Giám đốc trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu giao cho Công ty theo quy định của pháp luật;
 - f) Phê duyệt đề án góp vốn của Công ty TNHH MTV do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ để thành lập mới các công ty cổ phần và công ty TNHH 2 TV trở lên;
 - g) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định các dự án góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về đầu tư;
 - h) Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác.
3. Hàng năm phải báo cáo đầy đủ, chính xác, trung thực kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty theo quy định; báo cáo kịp thời các nội dung liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

Điều 38. Quyền hạn của Giám đốc

1. Được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn, quỹ của Công ty vào hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ các khoản huy động mà Công ty đã cam kết mục đích sử dụng vốn; chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động theo Điều lệ và quy định của pháp luật.
2. Đề nghị với Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Công ty.
3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng quản trị; trình Hội đồng quản trị phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.
4. Xây dựng đề trình Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính trung, dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức chi phí, định mức lao động, và các định mức khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của cổ đông và Công ty.
2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác.
3. Khi Công ty không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng quản trị, thông báo cho các chủ nợ biết, tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty và không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý Công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.
4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
5. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty theo đúng thẩm quyền.
6. Lập và báo cáo Hội đồng quản trị báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.
7. Hàng năm Giám đốc phải có báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gửi Hội đồng quản trị.
8. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.



9. Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 40. Quyền hạn của Kế toán trưởng

1. Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
2. Có ý kiến bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật về việc tuyển dụng, chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ.
3. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính.
4. Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định.

Điều 41. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật.
2. Có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật giám sát tài chính tại Công ty.
3. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính.
4. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định pháp luật.
5. Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.
6. Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các quy định tại Quy chế này và quy định Nhà nước.

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tài chính này bao gồm 9 Chương 43 Điều và có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế này cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật thì Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
2. Ngoài các quy định tại Quy chế tài chính này, Công ty phải thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Quý Hiên